CÁC TÀI LIỆU – BÁO CÁO KÈM THEO NGHỊ QUYẾT 09/NQ-CĐTĐ-HĐQT NGÀY 27/4/2019 CỦA HĐQT CÔNG TY CP CÔ ĐIỆN THỦ ĐỨC VỀ TÀI LIỆU ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
2. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018.
3. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát về báo cáo tài chính/kết quả kinh doanh của Công ty năm 2018.
4. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.
5. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
6. Bầu bổ sung 01 thành viên độc lập Hội đồng Quản trị (nhiệm kỳ 2018-2023).
7. Thông qua tờ trình thực hiện kế hoạch SXKD/phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch SXKD/Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận 2019.
8. Tờ trình thù lao, tiền lương HĐQT, Tổng Giám Đốc và BKS Công ty năm 2018 và phương án năm 2019.
9. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN **CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... /BC-CĐTĐ-B.TGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2019*

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức Năm 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế số: 0301824508.
- Vốn điều lệ: 114.730.000.000 đồng (Một trăm mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 114.730.000.000 đồng (Một trăm mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng).
- Địa chỉ: Km số 9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 028.22144647
- Số fax: 028.38.963159
- Website: www.codientd.com
- Email: codientd@vnn.vn
- Mã cổ phiếu: EMC

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tiền thân là Nhà Máy Sửa Chữa Cơ Điện - là một doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Công ty Điện lực 2, được thành lập từ năm 1976. Năm 1996 đổi tên thành Nhà Máy Cơ Điện. Đến tháng 6/1999, tách khỏi Công Ty Điện Lực 2 và trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 31/1999/QĐ-BCN ngày 03/06/1999 của Bộ Công nghiệp Việt Nam, và đổi tên thành Công ty Cơ điện Thủ Đức.

- Theo Quyết định số 337/QĐ-BCN, ngày 26/01/2007 của Bộ Công nghiệp; Quyết định số 1092/QĐ-BCT ngày 15/10/2007 của Bộ Công Thương Công Ty Cơ Điện Thủ Đức được duyệt phương án cổ phần hoá chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần.

- Sau khi tổ chức Đại hội cổ đông thành lập, ngày 02/01/2008, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công Ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần, trong đó Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN) giữ 40,05 % vốn điều lệ (đến thời điểm 31/12/2016).

- Ngày 29/11/2012, theo Quyết định chấp nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số: 128/QĐ-SGDHCM, ngày 31/8/2012 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, CTCP Cơ điện Thủ Đức đã chính thức đăng ký niêm yết 8.073.000 cổ phiếu của Công ty giao dịch chứng khoán trên sàn TP.HCM (HoSE), với mã chứng khoán EMC.

- Năm 2016, Theo giấy chứng nhận số 10/GCN-UBCK ngày 04/02/2016, Công ty phát hành thành công 3.400.000 cổ phần ra công chúng và đã niêm yết bổ sung trên sàn HoSE. Đồng thời, Công ty cũng đã tiến hành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 5 ngày 20/06/2016 tăng vốn điều lệ từ 80.730.000.000 đồng lên 114.730.000.000 đồng.

- Đến cuối tháng 3/2018, thực hiện chủ trương của Chính phủ và Ngành Điện, Tập đoàn Điện lực Việt nam đã thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại CTCP Cơ điện Thủ Đức (40,05 % vốn Điều lệ) theo phương thức khớp lệnh trên sàn chứng khoán HoSE.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh: Chế tạo máy biến áp, chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại; Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV; Kinh doanh và XNK máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện. Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel; Xây lắp công trình điện công nghiệp và dân dụng đến cấp điện áp 220KV; Kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa. Kinh doanh khách sạn; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi; Sản xuất cáp điện, dây điện từ các loại; Khai thác, xây dựng công trình nhà máy thuỷ điện vừa và nhỏ; Kinh doanh bất động sản…

2.2. Địa bàn kinh doanh: Công ty có địa bàn hoạt động kinh doanh trên phạm vi cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

* Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh theo các chức năng kinh doanh của Công ty nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, thực hiện các công tác xã hội và phát triển Công ty ngày càng phát triển bền vững.

4.2. Chiến lược phát triển trung, dài hạn:

- Đầu tư công nghệ và trang bị thêm thiết bị hiện đại, đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới có chất lượng phù hợp với đa dạng đối tượng khách hàng trên cơ sở phát triển nguyên vật liệu sẵn có trong nước. Cải tiến, nâng cấp mẫu mã, chất lượng và nhãn mác sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- Mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm trong nước và ngoài nước, tập trung đầu tư vào các vùng thị trường còn thiếu, còn yếu. Nâng cao thị phần cung cấp thiết bị cơ khí-thiết bị điện trong cả nước và tăng cường công tác xuất khẩu. Từng bước áp dụng phương thức phân phối hiện đại kết hợp hệ thống phân phối truyền thống hiện có. Chú trọng vào công tác chống giả mạo, mượn danh nghĩa và bảo vệ thương hiệu EMC của Công ty.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất và năng lực cạnh tranh để tiến tới xuất khẩu sản phẩm.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:*

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	276.729	259.081	294.701
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	736	2.264	32
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.296	1.198	632

4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty.	1.296	1.198	632
1	Tăng trưởng doanh thu thuần	-13%	-6,4%	13.7%
2	Tăng trưởng lợi nhuận HĐKD	-85%	308%	-98.6%
3	Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-57%	-7,6%	-47.2%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016-2018

Năm 2018, nhiều yếu tố trong giá thành phải điều chỉnh tăng theo quy định của nhà nước (như: giá tiền điện, lương tối thiểu để trích đóng BHXH-BHYT, tiền thuế nhà đất ...) làm ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí giá vốn chung của các doanh nghiệp.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn như đã nêu, nhưng Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã quyết tâm vượt qua, đã tìm kiếm và thực hiện nhiều giải pháp kinh tế kỹ thuật, giảm chi phí để bù đắp những chi phí gia tăng. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông 2018 giao cho, cụ thể:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty chỉ đạt 294.701 triệu đồng, tăng 13.7% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế của công ty chỉ đạt 632 triệu đồng, giảm 47.2% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế của công ty chỉ đạt 79% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông 2018 thông qua. (632/800 triệu đồng).

Nguyên nhân dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế không đạt: Do chi phí bán hàng năm 2018 tăng 2.32 tỷ đồng so với năm 2017 (do tăng chi phí giao hàng và chi phí bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh bảo hành), chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.

1.2. Tình hình biến động các khoản chi phí:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	231.121	228.646	264.850
2	Chi phí bán hàng	16.153	6.037	8.353
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.392	14.578	14.959
4	Chi phí tài chính	9.967	8.506	6.755

5	Chi phí khác	895	1.771	52
	Tổng chi phí	276.809	259.038	294.969
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/DTT	84%	88%	90%
2	Chi phí bán hàng/DTT	6%	2%	3%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp/DTT	7%	6%	5%
4	Chi phí tài chính/DTT	4%	3%	2%
5	Chi phí khác/DTT	0%	1%	0%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2018, nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc có thêm 01 Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm : Ông Nguyễn Thái Sơn; Bà Nguyễn Thị Mộng Duyên- được bổ nhiệm Phó phòng- Phụ trách Phòng Kế toán tài chính.

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Lao động tại thời điển 31/12/ 2018 là: 106 người

Trong đó:

+ Trên Đại học: 04

+ Đại học: 44

+ Cao đẳng, trung cấp: 12

+ Công nhân: 40

+ Lái xe: 6

- Chính sách đối với người lao động:

* ***Chính sách đào tạo:***

Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hằng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo cho CBCNV và triển khai thực hiện nghiêm túc, cụ thể như sau:

+ Đào tạo nhân viên mới với mục đích để nhân viên mới nhanh chóng nắm bắt công việc và hòa nhập vào môi trường làm việc của Công ty. Giới thiệu về Công ty và sản phẩm của Công ty, thỏa ước lao động, nội quy lao động, an toàn lao động, chức năng nhiệm vụ theo mô tả công việc của từng CBCNV, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

+ Huấn luyện về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sơ cứu, cấp cứu,…

+ Đào tạo kỹ năng quản trị cho CBCNV cấp trung.

+ Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ như: bán hàng, kỹ năng giao tiếp, quản lý kho, quản lý chất lượng sản phẩm.

+ Đào tạo cho công nhân mới, đào tạo nâng bậc, và đào tạo công nghệ mới cho công nhân cũ,…

**** Chính sách tiền lương, thưởng:***

+ Công ty xây dựng quy chế trả lương, thưởng, hệ thống thang bảng lương và phụ cấp riêng phù hợp với ngàng nghề hoạt động, đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tương xứng với trình độ, công việc, năng lực và mức độ đóng góp cũng như sáng tạo của từng người, tạo được sự công bằng, động viên, khuyến khích CBCNV hăng say làm việc, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Công ty trả lương cho CBCNV theo đơn vị sản phẩm sản xuất ra và tiêu thụ trong tháng, quý, năm trên cơ sở vị trí công việc và đánh giá kết quả công việc của từng người trong tháng.

**** Các chế độ, chính sách khác với người lao động:***

+ Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

+ Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp hằng năm cho CBCNV để phát hiện bệnh lý kịp thời chăm sóc và điều trị.

+ Công ty luôn chú trọng đến công tác Bảo hộ lao động, công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.

+ Công ty rất quan tâm đến môi trường và điều kiện làm việc của người lao động: trang đầy đủ phương tiện làm việc, bảo hộ lao động, áp dụng các biện pháp chống nóng, giảm bụi, giảm tiếng ồn, phụ cấp cho người lao động trong môi trường nặng nhọc, độc hại…

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2018: Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường năm 2016, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 80,73 tỷ lên 114,73 tỷ với mục đích huy động vốn để bổ sung nguồn vốn lưu động và đầu tư thêm hệ thống các trang thiết bị, nâng cấp dây chuyền sản xuất - chế tạo MBA và Phòng Thí nghiệm cao áp của Công ty (Công ty đã trang bị hệ thống 15 máy quấn dây tự động, Lò sấy chân không, hệ thống máy cắt tole tự động và hệ thống máy cắt - ủ mạch từ amorphuos, đầu tư mới hệ thống sơn tĩnh điện ...; với Tổng chi phí đầu tư hơn 25 tỷ đồng). Chính nhờ những thiết bị được tăng cường này, năm 2018 năng suất lao động của Công ty đã tăng cao rõ rệt, chất lượng thành phẩm xuất xưởng ổn định, tạo được uy tín thương hiệu EMC đối với các khách hàng trong và ngoài Ngành Điện.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	***Năm 2017***	***Năm 2018***	***% tăng/giảm***
Tổng giá trị tài sản	266.162	291.598	9.6%
Doanh thu thuần	259.081	294.701	13.7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.264	32	-98.6%
Lợi nhuận khác	(610)	794	230%
Lợi nhuận sau thuế	1.198	632	-47.2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-		-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	***Năm 2017***	***Năm 2018***	***Ghi chú***
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,58	1.38	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	0,37	0.57	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	54,51%	58.35%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	120,83%	140.11%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,26	1.64	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,97	1.01	

4.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,46% 0.99% 0,42% 0,87%	0.21% 0.52% 0.22% 0.01%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần tại thời điểm ngày 31/12/2018, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty như sau:

* *Tổng số cổ phần*: **11.473.000** *(Mười một triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn cổ phần).*

* *Mệnh giá cổ phần:* 10.000 đồng/cổ phần.

* *Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:* 11.473.000 cổ phần.

* *Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng*: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

STT	Loại hình sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	*Cá nhân*
1	**Cổ đông nhà nước:** Tập đoàn điện lực Việt Nam.	0	0%			
2	**Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI**	0	0%			
	- *Trong nước*					
	- *Nước ngoài*					
3	**Cổ đông lớn:**	**6.628.369**	**57.77%**	**5**		**5**
	- *Trong nước*	6.628.369	57.77%	5		5
	- *Nước ngoài*					
	Cổ đông nhỏ:	**4.844.631**	**42.23%**	**728**		**728**

4	*- Trong nước*	4.844.631	42.23%	728		728
	- Nước ngoài					
	Tổng cộng	**11.473.000**	**100%**	**733**		**733**

(Ghi chú: Theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm ngày 18/05/2018 do VSD cung cấp)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Đến cuối tháng 03/2018, trong cơ cấu vốn sở hữu CTCP, Công ty đã thoái hết toàn bộ phần vốn nhà nước (trước đây do EVN nắm giữ).

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.4. Các chứng khoán khác: *Không có.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Bao gồm gỗ và giấy, tổng giá trị không lớn chiếm dưới 0,5% giá thành.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không có.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ:

- Tổng số năng lượng tiêu thụ trực tiếp trong năm 2018 khoảng: 850.000 Kw/h.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *Không có*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: *Không có.*

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức cung cấp; Tiêu thụ bình quân: 20 m^3/ngày.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn chịu sự kiểm tra và giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về môi trường. Công ty cũng đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 20m^3/ngày. Trong năm 2018, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân năm 2018: 120 người, với mức lương trung bình đối với người lao động: 8.900.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Hằng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên để xác định bệnh nghề nghiệp, xác định mức sức khỏe để có biện pháp chữa trị kịp thời. Cấp phát bảo hộ lao động đầy đủ và kịp thời tới từng bộ phận sản xuất. Môi trường sản xuất không bị vi phạm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo CNKT trung bình mỗi năm: từ 20 đến 30 giờ.

- Đối với cán bộ nghiên cứu, thiết kế, phát triển công nghệ: cho tham gia các hội thảo chuyên ngành.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn phục vụ sản xuất kinh doanh và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Luôn tham gia đóng góp khi địa phương có yêu cầu.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Theo chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt năm 2012 đưa ra 3 nhiệm vụ chính gồm: (1). Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; (2). Xanh hoá sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh; (3). Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, trong đó việc hình thành khung chính sách tài chính tăng trưởng, nhằm huy động vốn cho tăng trưởng xanh. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có hành động cụ thể, thiết thực góp phần làm nền kinh tế xanh hơn. Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức luôn hướng đến việc đạt tiêu chuẩn sản xuất thân thiện đến môi trường. Cụ thể là từ năm 2008 đến nay, Công ty đầu tư dây chuyền và đẩy mạnh sản xuất sản phẩm mới máy biến áp phân phối dùng vật liệu Amorphous, có tổn hao không tải thấp, sử dụng hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường. Trong năm 2018, Công ty cung cấp hơn 2.800 máy biến áp phân phối 1 pha, 3 pha các loại dùng vật liệu amorphous, chiếm tỷ lệ khoảng 70% doanh số bán hàng cả năm.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH2018/ KH2018	Thực hiện 2017	TH2018 /TH2017
1	Doanh thu thuần	310.000	294.701	95%	259.081	113.7%
2	Lợi nhuận sau thuế	800	632	79%	1.198	52.7%
3	Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) (đồng)		48		95	57.8%

Nhìn chung, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đề ra. Nguyên nhân không đạt được kế hoạch doanh thu là năng lực cạnh tranh thị trường chưa cao, lợi nhuận không đạt là do chi phí bán hàng năm 2018 tăng, chi phí quản lý tăng. Vì vậy, lợi nhuận sau thuế năm 2018 cũng giảm, chỉ đạt 632 triệu đồng (chỉ bằng 79% so với kế hoạch).

Trong cơ cấu doanh thu 2018 thì doanh thu bán hàng đạt 294.7 tỷ đồng chiếm 100% doanh thu và lợi nhuận gộp là 29.8 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp của hoạt động bán hàng là 10.1%, thấp hơn mức 11.7% của năm 2017.

Cơ cấu doanh thu 2016-2018:

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2016		2017		2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu từ bán hàng	273.438	98,8%	240.200	93%	292.483	99%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.291	1,2%	18.960	7%	2.218	1%
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	79	0%	0	0%
Tổng	**276.729**	**100%**	**259.081**	**100%**	**294.701**	**100%**

Cơ cấu lợi nhuận gộp 2016-2018:

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2016		2017		2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
LN gộp từ hoạt động bán hàng	48.314	106%	19.678	65%	27.820	93%
LN gộp từ cung cấp dịch vụ	(2.706)	(6%)	10.757	35%	2.030	7%
Tổng	**45.608**	**100%**	**30.435**	**100%**	**29.850**	**100%**

Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu 2016-2018:

Khoản mục	2016	2017	2018
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu hoạt động bán hàng	17,7%	8,2%	9,5%
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu cung cấp dịch vụ	(81,8%)	56,3%	91,5%
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu	16,5%	11,6%	10,1%

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng tài sản của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức đạt 291,59 tỷ đồng, tăng 25,43 tỷ đồng, tương ứng tăng 9,5% so với năm 2017. Xét về mặt cơ cấu thì tài sản ngắn hạn tăng 2% chiếm 80% tổng tài sản và tài sản dài hạn tăng 55.8% chiếm 20% tổng tài sản.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn thì tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 3% tăng 40%, các khoản phải thu chiếm 26% tăng 42%, hàng tồn kho chiếm 51% giảm 15%, tài sản ngắn hạn khác chiếm 0% giảm 62% so với cùng kỳ.

Đối với cơ cấu tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định chiếm 15% tăng 71% và đầu tư tài chính dài hạn (đầu tư vào công ty liên kết) chiếm 3,4% so với cùng kỳ.

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2017		2018		Tăng/ (giảm) so với đầu năm.	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**228.670**	**86%**	**233.175**	**80%**	**4.505**	**2%**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.122	3%	10.035	3%	2.913	40%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.000	6%	0	0%	-15.000	-100%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	30.685	12%	74.438	26%	43.753	42%
IV. Hàng tồn kho	175.042	66%	148.393	51%	-26.649	-15%
V. Tài sản ngắn hạn khác	820	0%	309	0%	-511	-62%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**37.492**	**14%**	**58.423**	**20%**	**20.931**	**56%**
I. Các khoản phải thu dài hạn	24	0%	24	0%	0	0%
II. Tài sản cố định	25.559	10%	43.665	15%	18.106	71%
III. Tài sản dở dang dài hạn	922	0%	1.741	0.6%	819	89%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.089	4%	10.089	3.4%	0	0%
V. Tài sản dài hạn khác	897	0%	2.903	1%	2.006	224%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**266.162**	**100%**	**291.598**	**100%**	**25.436**	**10%**

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31/12/2018 là 170,1 tỷ đồng chiếm 58% tổng nguồn vốn, tăng 24.9 tỷ đồng tương đương với tăng 17,2% so với năm 2017. Trong cơ cấu nợ phải trả thì nợ ngắn hạn là 169,3 tỷ đồng chiếm 58% tổng nguồn vốn. Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản nợ thương mại như phải trả cho người bán 91,4 tỷ đồng, người mua trả tiền trước 0,8 tỷ đồng, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 0,88 tỷ và vay của các Ngân hàng thương mại 69,5 tỷ đồng.

Đối với khoản nợ dài hạn 0,8 tỷ đồng thì trong đó vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 0,79 tỷ đồng.

Tổng nợ vay của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31/12/2018 là 70,34 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn là 69,55 tỷ đồng còn lại vay dài hạn là 0,79 tỷ đồng.

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	**2017**		**2018**		**Tăng/ giảm so với đầu năm.**	
	Giá trị	**Tỷ trọng**	**Giá trị**	**Tỷ trọng**	**Giá trị**	**%**
C. NỢ PHẢI TRẢ	**145.225**	**55%**	**170.154**	**58%**	**24.929**	**17%**
I. Nợ ngắn hạn	144.443	55%	169.349	58%	24.906	17%
II. Nợ dài hạn	781	0%	805	0%	24	3%
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**120.937**	**45%**	**121.444**	**42%**	**507**	**0.4%**
I. Vốn chủ sở hữu	120.892	45%	121.444	42%	552	0.4%
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	45	0%	0	0%	-45	-100%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**266.162**	**100%**	**291.598**	**100%**	**25.436**	**10%**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2018, Công ty xác định mô hình của công ty là Công ty cổ phần tư nhân, tổ chức sắp xếp lại lực lượng lao động trực tiếp vả gián tiếp phù hợp theo hướng tinh gọn, tiết giảm chi phí, giảm các cấp quản lý trung gian, giảm chồng chéo công việc, chức năng giữa các bộ phận, nâng cao năng suất lao động. Quản lý kế hoạch sản xuất kinh doanh- tài chính bằng phần mềm tiên tiến nên đã kiểm soát tốt kết quả kinh doanh- quản lý vật tư và công tác tài chính - lao động tiền lương nói chung; để từng bước đưa hoạt động quản lý, tổ chức kinh doanh của Công ty theo mô hình các Công ty sản xuất thiết bị điện tiên tiến trong khu vực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong năm 2019 và những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chương trình tái cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, đầu tư trang thiết bị theo hướng công nghệ hiện đại tiên tiến để Công ty kinh doanh hiệu quả. Công ty vẫn xây dựng lĩnh vực hoạt động cốt lõi là sản xuất thiết bị điện với sản phẩm chính là máy biến áp truyền tải và phân phối các loại, cụ thể:

4.1. Về công tác sản xuất

+ Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các hệ thống, dây chuyền sản xuất máy biến áp phân phối, truyền tải, dây chuyền sản xuất cơ khí và máy móc thiết bị trong hệ thống theo kế hoạch đã đặt ra, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí.

+ Sản lượng sản xuất hàng tháng được điều chỉnh linh hoạt theo phản ứng của thị trường trên cơ sở tham chiếu kế hoạch sản lượng năm 2018; Tiếp tục tăng cường sản xuất các sản phẩm máy biến áp phân phối có chất lượng, giá trị kinh tế- kỹ thuật cao, đang được thị trường công nghiệp điện tiêu thụ tốt.

+ Chất lượng sản phẩm:

Tìm các giải pháp quản lý chất lượng toàn diện từ khâu sản xuất đầu tiên đến khâu cuối cùng. Theo đó, cần kiểm soát chặt chẽ công tác thiết kế, thu mua vật tư, nguyên liệu đầu vào, đặc biệt đối với các nguyên liệu chính như: sắt thép, tole silic, dầu cách điện, sứ cách điện. Đồng thời, nghiêm túc thực hiện đúng quy trình hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong các công đoạn sản xuất.

Thực hiện công tác kiểm soát bán thành phẩm tại các công đoạn nhằm loại bỏ những sản phẩm lỗi, kiểm soát chặt chẽ thành phẩm trên theo mẫu và tiêu chuẩn kỹ thuật cơ sở đã công bố.

4.2. Về công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Căn cứ theo phản ứng của khách hàng/thị trường Công ty xem xét và ra quyết định đẩy mạnh sản xuất sản phẩm mới máy biến áp phân phối dùng vật liệu amorphuos, có tổn hao không tải thấp, sử dụng hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường; đầu tư dây chuyền sản xuất máy biến áp truyền tải 110KV-220KV.

4.3. Về công tác bán hàng

Nâng cao khả năng dự báo thị trường và lập các báo cáo phân tích thị trường, đối thủ cạnh tranh, so sánh chất lượng, giá bán sản phẩm, quy mô sản xuất của đối thủ làm cơ sở cho lãnh đạo công ty quyết định những chính sách phù hợp.

Triển khai công tác hỗ trợ khách hàng tiêu thụ bằng cách tiếp cận, quảng bá sản phẩm của Công Ty đối với nhiều đối tượng khách hàng theo vùng miền, phân theo khu vực; thường xuyên thăm dò ý kiến phản hồi của khách hàng.

Tiếp tục tìm kiếm các nhà phân phối/đại lý tiêu thụ có đủ tiềm lực tham gia vào kênh phân phối của công ty.

Tập trung quảng bá, chào bán các loại sản phẩm mới/có nhiều tính năng ưu việt dự kiến sản xuất ra thị trường. Đánh giá phản hồi từ phía khách hàng từ đó định hướng cơ cấu sản phẩm cho sản xuất.

Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt đảm bảo tiêu thụ được và không làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của công ty đã đặt ra.

Gia tăng hiệu quả công tác hậu mãi chăm sóc khách hàng để thỏa mãn nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

4.4. Công tác quản trị chi phí

Tiếp tục khai thác kết quả nghiên cứu tiết giảm chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong sản xuất/ trong công tác thiết kế kỹ thuật.

Rà soát chi phí sản xuất, trong đó tập trung kiểm soát các chi phí có giá trị lớn như: chi phí vật tư, chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị định kỳ trong Công Ty, chi phí bảo hành, bảo trì sản phẩm, chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đăng ký.

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm tối đa văn phòng phẩm, các thiết bị, trang cụ lao động tại các đơn vị trực thuộc và ở cấp độ Công Ty.

- Tăng cường kiểm tra chặt chẽ qui trình mua sắm vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào..

- Rà soát lại hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, định mức giao khoán tiền lương, các qui chế khoán quản lý trong kinh doanh, trong từng công đoạn sản xuất.

4.5. Công tác quản lý và điều hành

Thực hiện điều hành sản xuất theo thị trường một cách linh hoạt để sản xuất các mặt hàng đáp ứng yêu cầu thị trường và thị hiếu khách hàng,

Theo dõi chặt chẽ tình trạng công nợ bị chiếm dụng vốn, rà soát các tài sản chưa đưa vào sử dụng, tài sản không sử dụng để thanh lý thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD.

Rà soát, xây dựng định mức tiêu hao vật tư trong sản xuất, trên cơ sở tiết giảm chi phí, phấn đấu thực hiện thấp hơn KH SXKD năm 2018 Công ty đã thực hiện.

Duy trì việc minh bạch, công khai hoá toàn bộ các mặt hoạt động SXKD trong công ty.

4.6. Công tác đầu tư XDCB năm 2019 để đạt được mục tiêu đề ra.

Để đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra, Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức sẽ tiếp tục hoàn thiện các hạng mục đầu tư dở dang của năm 2018 chuyển sang; đồng thời phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018 ĐÃ THÔNG QUA) để huy động thêm vốn đầu tư nhằm mục đích phát triển Công ty trong dài hạn; khai thác triệt để các lợi thế sẵn có của các công trình đã được đầu tư từ các dự án trước đây của Công Ty.

Trên đây là những báo cáo, phân tích hoạt động của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018- định hướng phát triển trong thời gian tới, trước mắt là trong năm 2019 của CTCP Cơ điện Thủ Đức; thay mặt Ban Tổng Giám đốc xin được báo cáo trước Đại hội.

Trân trọng cảm ơn !

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI PHƯỚC QUÃNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Kính thưa Quý vị đại biểu, kính thưa Quý cổ đông.
Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, tôi xin thay mặt Hội đồng quản trị báo cáo với Đại hội về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019 như sau:

PHẦN I.
Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018

I. Về nhân sự:

1. Hội đồng Quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 bầu chọn gồm có 04 thành viên:

STT	*Họ và tên*	*Chức danh*	*Cơ chế hoạt động*
1	Ông Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách
2	(ông) Đặng Quốc Việt	Thành viên	Kiêm nhiệm
3	(ông) Hồ Đắc Ngọc	Thành viên độc lập	Kiêm nhiệm
4	(ông) Hoàng Minh Bách	Thành viên	Kiêm nhiệm

2. Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 bầu chọn gồm có 3 thành viên:

STT	*Họ và tên*	*Chức danh*	*Cơ chế hoạt động*
1	Ông Nguyễn Đăng Minh	Trưởng Ban	chuyên trách
2	(Ông) Trần Văn Thiệp	Thành viên	Kiêm nhiệm
3	(Bà) Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	Kiêm nhiệm

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015- 2016 đến nay gồm có 4 thành viên:

STT	*Họ và tên*	*Chức danh*
1	(ông) Bùi Phước Quãng	Tổng Giám đốc
2	(ông) Huỳnh Vĩnh Phú	Phó Tổng Giám đốc
3	(ông) Phùng Quang Khang	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám Đốc

Tháng 6/2018, theo đề nghị của Tổng Giám Đốc, HĐQT có bổ nhiệm thêm Ông Đặng Thanh Sơn- Trợ lý Tổng Giám Đốc, để phối hợp, giúp việc cho Tổng Giám Đốc về điều hành sản xuất trong Công ty.

II. Thực hiện nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2018.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	2018
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	294,701 tỷ đồng
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	826,302 triệu đồng
3	Số nộp Ngân sách nhà nước	30,619 tỷ đồng
4	Chia cổ tức	0 %
5	Thu nhập bình quân CBCNV	8,9 triệu đồng

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, HĐQT đã triển khai kế hoạch, phương hướng sản xuất kinh doanh theo chủ trương, xác định chiến lược mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh và giao cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo chỉ đạo.

Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Tổng Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã được HĐQT đề ra. Đồng thời, HĐQT đã có chủ trương giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn từ thực tế, từ đó kết quả SXKD trong năm đã đạt được kết quả đáng kể (đã được nêu trong Báo cáo của Tổng Giám Đốc trình tại Đại hội). Những định hướng cụ thể đã đạt được :

- *Về hoạt động kinh doanh .*

Căn cứ vào nhiệm vụ chức năng của công ty, công ty luôn xác định thị trường chế tạo , sửa chữa Máy biến áp các loại vẫn là mục tiêu kinh doanh chủ yếu của đơn vị. Căn cứ nhu cầu đầu tư, phát triển lưới điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, nhất là các khách hàng các Công ty Điện lực; công ty xác định đây là những thị trường mà đơn vị đang có thế mạnh, mối quan hệ kinh doanh mua bán lâu đời... cần tiếp tục tập trung, phát huy . Về cơ bản, đã thiết lập được quan hệ mua bán thuận lợi, là một trong những nhà thầu chủ lực cung cấp thiết bị MBA cho hệ thống lưới điện, cho các đơn vị trong Ngành Điện, và các khu công nghiệp địa phương. Từng bước nâng cao vị thế, uy tín của thương hiệu Công ty trên thị trường thiết bị điện trong nước.

- *Hoạt động đầu tư tài chính :*

Đến thời điểm báo cáo, Công ty đang tham gia đầu tư, góp vốn mua cổ phiếu tại 2 công ty cổ phần :

+ Công ty CP Đầu tư-Thương mại- dịch vụ (PIST): số vốn góp 300 triệu đồng (vốn góp được thực hiện từ khi đơn vị còn trực thuộc Công ty Điện lực 2- nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam).

+ Ngân hàng TMCP An Bình (ABB): Số cổ phiếu EMC đầu tư là 1.213.710 cổ phần (giá trị đầu tư ban đầu là 9,78 tỷ); dự kiến đến sau tháng 6/2019, Công ty sẽ được Ngân hàng An Bình tiếp tục chia cổ tức 2 năm 2017- 2018 bằng cổ phiếu thêm 18,4% (trên tổng số cổ phần EMC đang sở hữu của ABB).

2. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông :

Trong năm qua, HĐQT Công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm trước gồm:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hoàn thành cơ bản chỉ tiêu kế hoạch năm và triển khai thực hiện phương hướng hoạt động năm kế tiếp;
- Phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty bằng phương thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn từ 114,73 tỷ lên 152,97 tỷ (dự kiến hoàn thành trong tháng 6/2019).
- Tiếp tục hoàn chỉnh, sửa đổi Bản Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014, hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính/Ủy Ban chứng khoán nhà nước đối với các Công ty niêm yết và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh tại Công ty;
- Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập có kinh nghiệm và năng lực để chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

3. Về tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị :

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp định kỳ theo quy chế làm việc và họp đột xuất để giải quyết công việc theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp; đi đúng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giải quyết kịp thời các trường hợp phát sinh cần phải thông qua Hội đồng quản trị.
- Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được lập đầy đủ, có chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp, đảm bảo đúng nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ tài liệu đã được gởi đầy đủ đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước khi họp.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần đoàn kết, nhất trí cao và đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2018:

a. Đánh giá kết quả hoạt động trong năm 2018 của Hội đồng quản trị:

- Mặc dù thị trường sản xuất sản phẩm cơ khí điện trong Ngành vẫn còn nhiều khó khăn về cơ chế đấu thầu và mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt; HĐQT Công ty đã tập trung mọi nỗ lực để thúc đẩy các giải pháp, tăng cường quản trị, giám sát điều hành để bảo đảm Công ty hoạt động ổn định, vượt qua những thời điểm khó khăn. HĐQT cũng đã có chủ trương kịp thời nhằm hạn chế vay ngân hàng, tăng cường công tác quản lý, giám sát thu chi tiền vốn, kiểm soát chặt chẽ vật tư, hàng thành phẩm tồn kho... nhằm mang lại kết quả kinh doanh tốt nhất cho doanh nghiệp, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm có hiệu quả, đạt kế hoạch đề ra, nhất là về chỉ tiêu doanh thu, thu nhập người lao động.
- HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều hành thực hiện đầy đủ, có hiệu quả nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu, hoàn thành tốt các chức năng chỉ đạo, quản lý ,giám sát theo quy định. HĐQT đã có sự nhất trí cao khi thông qua các Nghị quyết, biên bản cuộc họp để kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc :

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty; từ cơ sở này Hội đồng quản trị có điều kiện thực hiện giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành.
- Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều được Tổng giám đốc báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để nắm rõ diễn biến tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.
- Hội đồng quản trị nhận thấy Tổng giám đốc có nhiều cố gắng cũng như sự nổ lực điều hành của cả Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm vừa qua.

5. Kết luận :

Trong năm 2018, HĐQT Công ty đã chấp hành và triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mặc dù còn nhiều yếu tố tác động gây ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT và Ban Điều hành Công ty đã nỗ lực để vượt qua khó khăn, hạn chế các ảnh hưởng bất lợi này, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp nên đã đạt được một số kết quả kinh doanh khả quan.

PHẦN II
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019

I. Tình hình chung :

Hoạt động kinh doanh thiết bị điện, đặc biệt là sản phẩm MBA những năm vừa qua chịu nhiều yếu tố tác động gây ảnh hưởng bất lợi do giá vật tư đầu vào và áp lực giảm giá do nhiều đối thủ cùng ngành nghề cạnh tranh; nhiều nhà sản xuất, chế tạo sản phẩm MBA bắt đầu đầu tư mạnh, nhất là tại thị trường phía Nam. Tuy nhiên, với một số giải pháp hỗ trợ và ưu đãi của các đơn vị trong Ngành, khuyến khích sử dụng hàng hóa sản xuất trong nước có chất lượng; nhiều dự án cải tạo, mở rộng lưới điện được triển khai rộng rãi tại nhiều nơi trên phạm vi cả nước nên đã tạo ra được thị phần để Công ty có điều kiện tham gia.

Sự cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm đã và đang là một thách thức lớn đối với doanh nghiệp, lượng khách hàng đến tìm hiểu thông tin về sản phẩm của Công ty cũng như lượng giao dịch thành công vẫn duy trì được sự ổn định về đầu ra, tạo đà cho Công ty phát triển. Dự đoán thị trường chế tạo MBA và các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành Điện và công nghiệp dân dụng các năm tiếp theo với mức cung sản phẩm sẽ tăng cao do các chủ đầu tư trong và ngoài Ngành Điện đang hoàn thiện các dự án sau một thời gian dài dãn tiến độ do thiếu vốn; yếu tố chất lượng, giá cả hàng hóa kèm theo chất lượng hậu mãi tốt của các đơn vị cung cấp hàng tiếp tục được khách hàng lựa chọn và nhà sản xuất buộc phải quan tâm để có chiến lược kinh doanh phù hợp.

II. Mục tiêu :

Công ty xác định hoạt động kinh doanh sản phẩm máy biến áp phân phối các loại (có định hướng mở rộng sản xuất sản phẩm MBA truyền tải 110kv) vẫn là các sản phẩm chủ lực, là lĩnh vực mang lại lợi nhuận chủ yếu.

Thiết lập cơ cấu sản phẩm và giá bán hợp lý trong đó tập trung vào đối tượng khách hàng thuộc Ngành Điện, các Khu công nghiệp địa phương, Khu dân cư xây dựng mới...;

Từng bước mở rộng hoạt động nhận thầu các công trình trọn gói từ khâu xây lắp, cung cấp thiết bị cơ khí - trạm điện- thiết bị điện .. . cho các công trình.

III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh NĂM 2019:

1. Các chỉ tiêu chính (dự kiến) : **Đvt: Triệu đồng**

STT	Chỉ tiêu	2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	400.000
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2..000
3	Số nộp Ngân sách nhà nước	36.000
4	Tỷ lệ chia cổ tức	0 % (để tập trung vốn cho đầu tư phát triển)
5	Vốn điều lệ	152.973

2. Giải pháp thực hiện:

+ Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo tạo điều kiện và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và điều hành, hoàn thiện các quy chế để đảm bảo hoạt động của Công ty bền vững, ổn định, thông suốt và hiệu quả.

+ Tăng cường giám sát hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng đối với hàng hóa và dịch vụ để tăng sức cạnh tranh sản phẩm do Công ty sản xuất trên thị trường.

+ Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng nguồn nhân lực có trình độ; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện chính sách tiền lương, tiền công phù hợp với năng suất lao động, không cào bằng trong phân phối thu nhập.

+ Sử dụng hiệu quả nguồn vốn huy động được từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2019 để nâng cao năng lực về tài chính, đầu tư mới trang thiết bị, nâng cấp quy mô Nhà xưởng, mở rộng thị trường và loại hình sản phẩm, dịch vụ.

+ Trình Đại Hội đồng cổ đông về việc bổ sung, sửa đổi (lần 4) Bản điều lệ Công ty để phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014 và hướng dẫn mới của UBCKNN/ Bộ Tài chính đối với Công ty niêm yết và tình hình thực tiễn của Công ty.

Kính thưa quý vị cổ đông !

Nhìn chung, trong toàn bộ hoạt động của HĐQT năm 2018, Công ty đã luôn hướng tới các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần, đặc biệt khi công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các hoạt động luôn tuân thủ chặt chẽ các điều khoản quy định tại điều lệ công ty và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đốc thúc của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông, của HĐQT nhanh chóng, kịp thời. Trong quá trình hoạt động, vì nhiều lý do khách quan, nhân sự của Hội đồng Quản trị đã có sự thay đổi so với ban đầu; song với tinh thần trách nhiệm, HĐQT luôn kiện toàn kịp thời để chỉ đạo ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch. Trong năm 2018, do những thay đổi của công ty trong quá trình tiếp tục tái cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, quản lý và yếu tố cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt, dẫn đến kết quả SXKD không như kỳ vọng, HĐQT đã kiểm điểm nghiêm túc và nhận thấy rõ vai trò, trách nhiệm của mình .

Trên đây là kết quả hoạt động của HĐQT thực hiện trong năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019 tiếp sau, rất mong nhận được sự góp ý của các cổ đông.

Trân trọng cảm ơn và Kính báo cáo Quý vị cổ đông tham dự Đại hội .

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2019

TM. Hội đồng Quản trị

NGUYỄN MINH QUANG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BAN KIỂM SOÁT **SỐ: 01/2019/BB-BKS**	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2019*

BÁO CÁO KIỂM SOÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

Hôm nay, ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức, Ban Kiểm soát Công ty đã tiến hành thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tình hình hoạt động SXKD năm 2018 của Công ty.

Thành phần gồm:

1. Ông Nguyễn Minh Quang. Chủ tịch HĐQT Công ty.
2. Ông Bùi Phước Quãng. Tổng Giám đốc.
3. Bà Nguyễn Thị Mộng Duyên. Phụ trách kế toán.
4. Ông Nguyễn Đăng Minh. Trưởng Ban Kiểm soát công ty.
5. Bà Nguyễn Thị Quỳnh. TV Ban Kiểm soát công ty.
6. Ông Trần Văn Thiệp. TV Ban Kiểm soát công ty.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức (EMC);

Căn cứ Quyết định số 1121/QĐ-CĐTĐ-HĐQT ngày 12/5/2009 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát EMC;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của EMC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP (đã được đổi tên từ Công ty TNHH Kiểm toán ASC);

Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2018 của Công ty như sau;

I. Giám sát công tác quản lý điều hành:

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty cung cấp theo quy định; các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát như sau:

- Thực hiện kiểm tra rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành, có ý kiến về công tác sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định phù hợp với hoạt động của Công ty.

- Định kỳ thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm báo cáo; xem xét báo cáo tài chính năm 2018 của EMC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

II. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc:

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.

- HĐQT, Ban Giám đốc Công ty đã cung cấp đầy đủ các tài liệu về công tác điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty:

1. Cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Thời điểm 31/12/2018		Thời điểm 31/12/2017	
	Vốn điều lệ(Tr.đ)	Tỷ lệ (%)	Vốn điều lệ(Tr.đ)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	0	45,952	40.05
Cổ đông khác	114,730	100	68,778	59.95
Tổng cộng	**114,730**	**100**	**114,730**	**100**

2. Cơ cấu nguồn vốn và tài sản

Chỉ tiêu	**ĐVT**	**31/12/2018**	**31/12/2017**
Cơ cấu tài sản	**%**		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		20,04	14,09
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		79,96	85,91
Cơ cấu nguồn vốn	**%**		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		58,35	54,56
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		41,65	45,44
- Nợ phải trả/Vốn CSH		140,11	120,08

- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	**31/12/2018**	**31/12/2017**
+Tổng tài sản	291,598,666,780	266,162,014,079
Tài sản ngắn hạn	233,175,351,185	228,670,366,633
Tài sản dài hạn	58,423,315,595	37,491,647,446
+Tổng nguồn vốn	291,598,666,780	266,162,014,079
Nợ phải trả	170,154,295,865	145,224,647,598
Vốn chủ sở hữu	121,444,370,915	120,937,366,481

3. Kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2017
1. Tổng doanh thu	295,798,663,939	261,192,960,160
2. Tổng chi phí	294,972,361,579	259,539,806,396
3. Tổng Lợi nhuận trước thuế	826,302,360	1,653,153,764
4. Thuế TNDN	193,830,743	454,908,618
5. Số PS phải nộp NS	30,568,764,827	31,141,709,454
Trong đó: Các loại thuế	30,568,764,827	26,292,584,611
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	632,471,617	1,198,245,146
7. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	0.68%	1.37%
8. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	1.40	1.20
9. Tổng quỹ lương	18,737,335,511	16,570,035,275
10. Số lao động BQ	112	
11. Thu nhập BQ (đồng/người/tháng)	8,900,000	

4. Một số chỉ tiêu đánh giá

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2017
Khả năng thanh toán		
1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,71	1,83
2.Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,38	1,58
3.Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,57	0,37
Hiệu quả		
4. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT thuần (%)	0,28%	0,63
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/DT thuần (%)	0,21%	0,47
6. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản (%	0,28%	0,62
7. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	0,22%	0,45

IV. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:

- Trong năm 2018, HĐQT đã tiến hành họp 11 lần bao gồm cả lấy ý kiến biểu quyết của ủy viên HĐQT bằng văn bản, ban hành một số các Nghị quyết, thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo Điều lệ của Công ty. *(chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo biên bản này).*

V. Tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện 2018 với kế hoạch 2018 (%)	Tỷ lệ thực hiện 2018 với thực hiện 2017 (%)
Vốn điều lệ	đồng	114.730.000.000	114.730.000.000	114.730.000.000	100	100
Tổng doanh thu	đồng	261.192.960.160	310.000.000.000	295.798.663.939	95%	113,7%
Nộp Ngân sách	đồng	31.141.709.454	Theo quy định	30.619.697.193		
Lao động	người	150	140	112		
Thu nhập bình quân người/tháng	đồng	8.100.000	8.000.000	8.900.000		
Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.653.153.764	1.000.000.000	826.302.360	82,63%	49,98%
Thuế TNDN (20%)	đồng	454.908.618	200.000.000	193.830.743	96,92%	42,6%
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	đồng	1.198.245.146	800.000.000	632.471.617	79%	52,7%

VI. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm soát viên và của Ban kiểm soát

1. Về quản lý vật tư hàng hóa: Năm 2018, Công ty đã tiến hành bán thanh lý một số máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

2. Về quản lý vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Công ty đang nắm giữ 1.213.710 cổ phiếu Ngân hàng TMCP An Bình (ABB) với giá trị đầu tư: 9.789.265.685 đồng và 30.000 cổ phiếu CTCP Đầu tư TM và Dịch vụ Điện lực (PIST) với giá trị đầu tư: 300.000.000 đồng. Tổng số tiền đầu tư tại 02 doanh nghiệp trên là: 10.089.265.685 đồng.

VII. Một số nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát:

1. Nhận xét:

- Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các quy định của Luật kế toán, chế độ kế toán và các chuẩn mực kế toán Việt nam, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Sổ sách kế toán được lập theo biểu mẫu quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018: Doanh thu thuần đạt 294,7 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 632 triệu đồng.

2. Kiến nghị:

- Đề nghị Công ty thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo định kỳ, đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

- Cần xem xét và có biện pháp xử lý đối với những tập thể, cá nhân trong Công ty liên quan đến việc tổ chức sản xuất, giao hàng chậm, gây ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và uy tín của Công ty.

- Có kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu sản xuất tốt hơn ; tiếp tục rà soát nguyên vật liệu tồn kho để có kế hoạch thanh lý, tránh để tồn kho lớn làm ứ đọng vốn.

- Tích cực thu hồi công nợ, tránh để khách hàng chiếm dụng vốn của Công ty, tăng vòng quay vốn lưu động, nhằm đem lại hiệu quả cao hơn trong việc sử dụng vốn.

- Căn cứ chiến lược sản xuất kinh doanh, cơ cấu lại nguồn vốn, cân đối tỷ lệ giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay ở mức hợp lý, đảm bảo an toàn về khả năng thanh toán.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định, quy trình, quy chế phù hợp với hoạt động SXKD của CTCP đang niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Hiện công ty đang đầu tư vào Ngân hàng TMCP An Bình và CTCP Đầu tư thương mại dịch vụ Điện lực nhưng chưa hiệu quả. Đề nghị Công ty sớm có phương án chuyển nhượng các khoản đầu tư này để tập trung vốn cho hoạt động SXKD chính của Công ty.

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau được lưu giữ 01 bản tại Văn phòng HĐQT Công ty và 01 bản tại Ban Kiểm soát của Công ty.

TM. Ban kiểm soát
Trưởng Ban

Nơi nhận:

- HĐQT.EMC;
- TV BKS;
- Lưu BKS.

Nguyễn Đăng Minh

Phụ lục 1:

- **Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	BB/CĐTĐ-HĐQT	08/02/2018	Biên bản họp Hội đồng Quản trị về việc Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị / Tổng Giám đốc quyết định việc đăng ký hạn mức tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP phát triển TP. Hồ Chí Minh (HD Bank) để phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2018 .
02	01/NQ/CĐTĐ-HĐQT	19/04/2018	Chốt danh sách cổ đông- tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của CTCP Cơ điện Thủ Đức.
03	01 b/NQ/CĐTĐ-HĐQT	08/05/2018	Điều chỉnh tỷ lệ cơ cấu vốn đầu tư trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2016 (nâng vốn điều lệ từ 80,73 tỷ đồng lên 114,73 tỷ đồng).
04	03/BC/CĐTĐ-HĐQT	06/6/2018	Thông qua Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng.
05	04/NQ/CĐTĐ-HĐQT	18/06/2018	Các dự thảo báo cáo – Tờ trình thông qua Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
06	07/NQ/CĐTĐ-HĐQT	28/07/2018	Chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niện độ và năm 2018.
07	11/NQ/CĐTĐ-HĐQT	30/08/2018	Chấp thuận Đơn nghỉ việc của Kế toán trưởng và giao nhiệm vụ phụ trách Phòng KTTC.
08	14/NQ/CĐTĐ-HĐQT	10/09/2018	Ban hành sơ đồ tổ chức mới của

			Công ty.
09	15/NQ/CĐTĐ-HĐQT	15/09/2018	Chốt Danh sách cổ đông – lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
10	18/NQ/CĐTĐ-HĐQT	19/09/2018	Hủy bỏ Nghị quyết số 15/NQ/CĐTĐ-HĐQT, ngày 15/09/2018
11	20/NQ/CĐTĐ-HĐQT	15/11/2018	Nghị quyết của Hội đồng Quản trị thông qua chủ trương thành lập Phòng Kinh doanh dự án - Phòng Marketing

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr- HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2019*

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức kính trình Đại hội đồng cổ đông về Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH kế toán và kiểm toán TTP tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức công bố công khai theo quy định. Các Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm:

(1) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.

(2) Báo cáo Kiểm toán độc lập.

(3) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018.

(4) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018.

(5) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2018.

(6) Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2018.

(Các báo cáo trên được đính kèm trong tài liệu Đại hội)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Quang

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là những yêu cầu mới trong công tác quản trị quản trị, điều hành tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 về quản trị công ty áp dung đối với công ty đại chúng và Điều lệ mẫu theo quy định tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 **("Thông tư 95")**, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức ("Công ty") đã tiến hành rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị nhận thấy Điều lệ hiện nay của Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung về nội dung và cơ cấu cho phù hợp pháp luật chứng khoán hiện hành đối với Công ty niêm yết.

1. Cụ thể, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

- Sửa đổi về "Người đại diện theo pháp luật của Công ty": Điều 3;

- Bổ sung điều khoản về "Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông": Khoản 1 - Điều 22;

- Bổ sung điều khoản về "Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị": Mục (c) - Khoản 2 - Điều 27;

- Bổ sung điều khoản về "Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc": Mục (f) - Khoản 3 - Điều 35;

Nội dung chi tiết xem tại dự thảo Điều lệ Công ty đính kèm Tờ trình này.

2. Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức ký và ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Quang

NHỮNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC
(Trình tại Đại hội cổ đông thường niên 2019)

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
1.	**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty** Công ty có **02 (hai)** người đại diện theo pháp luật, bao gồm: 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị; 2. Tổng giám đốc .	**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty** Công ty có **01 (một)** người đại diện theo pháp luật là: Tổng Giám đốc.	
2.	**Khoản 1 – Điều 22**: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	**Khoản 1 – Điều 22**: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty. b. Định hướng phát triển Công ty c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại. d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm. g. Thay đổi nghành, nghề và lĩnh vực kinh doanh. h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty. i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	

3.	**Mục (c) - Khoản 2 - Điều 27:** Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;	**Mục (c) - Khoản 2 - Điều 27:** Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán Trưởng và quyết định mức lương của họ;	
4.	**Mục (f) - Khoản 3 - Điều 35:** Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;	**Mục (f) - Khoản 3 - Điều 35:** Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động đối với các chức danh từ cấp Giám đốc, Trưởng phòng và tương đương trở xuống.	

(<u>DỰ THẢO</u>)

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

(Trình thông qua Đại hội cổ đông thường niên 2019

tổ chức vào ngày 10 tháng 5 năm 2019)

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 37. Kiểm soát viên

Điều 38. Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

Điều 46. Năm tài chính

Điều 47. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý
Điều 49. Báo cáo thường niên
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY
Điều 50. Kiểm toán
XVII. CON DẤU
Điều 51. Con dấu
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ
Điều 52. Chấm dứt hoạt động
Điều 53. Gia hạn hoạt động
Điều 54. Thanh lý
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
Điều 56. Điều lệ công ty
XXI. NGÀY HIỆU LỰC
Điều 57. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006.*
- *Căn cứ Thông tư số 95/TT-BTC, ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính về việc ban hành điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch Chứng khoán.*

Điều lệ này của Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức (dưới đây gọi là "Công ty") được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, tổ chức vào ngày 10 tháng 5 năm 2019 là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
   - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC.**
   - Tên tiếng Anh: THUDUC ELECTRO-MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY
   - Tên giao dịch: THUDUC EMC JSC
   - Tên viết tắt: THUDUC EMC JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
   - Địa chỉ: Km 9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức – TP.HCM, Việt Nam
   - Điện thoại: (84 28) 22141422 - 22144647
   - Fax: (84 28)38.963159
   - E-mail: codientd@vnn.vn
   - Website : www.codientd.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có **01 (một)** người đại diện theo pháp luật là: Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 29 và Điều 35 của Bản điều lệ này, đồng thời tham chiếu các quy định về quyền hạn, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được nêu trong Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là :
   - Chế tạo máy biến áp, chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại;
   - Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện;
   - Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV.
   - Kinh doanh và xuất nhập khẩu máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện. Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel;

- Xây lắp các công trình điện công nghiệp, dân dụng đến cấp điện áp 220KV;
- Kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa. Kinh doanh khách sạn;
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi.
- Sản xuất cáp điện, dây điện từ các loại.
- Khai thác, xây dựng các công trình Nhà máy Thủy điện vừa và nhỏ.
- Kinh doanh bất động sản; môi giới bất động sản ; dịch vụ bất động sản, sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản .
- Kinh doanh những ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về thiết bị điện và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **114.730.000.000 đồng** ***(Một trăm mười bốn tỷ, bảy trăm ba mươi triệu đồng)***

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **11.473.000** cổ phần (Mười một triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn cổ phần); với mệnh giá là 10.000 đồng / cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 150% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát.

4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

(Các quyền đối với các loại cổ phần khác)

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5 % tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

(Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [60] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của

Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ **51%** trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc).

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ **65%** trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

j. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

k. Định hướng phát triển Công ty

l. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

m.Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

o. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

p. Thay đổi nghành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.

q. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

r. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng **30** ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán Trưởng và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a. Ban kiểm soát;

b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không ít hơn ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành sẽ chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động đối với các chức danh từ cấp Giám đốc, Trưởng phòng và tương đương trở xuống.

g. Vào ngày 31/10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và nộp cho cơ quan thuế địa phương và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức nhất trí thông qua ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị ./.

(Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

(DỰ THẢO)

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v : Bầu cử bổ sung thành viên độc lập Hội đồng Quản trị CTCP Cơ điện Thủ Đức (nhiệm kỳ 2018-2023)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014-QH13 - được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP, ngày 06/6/2017 của Chính phủ; Thông tư 95/2017/TT-BTC, ngày 22 /9/2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng ;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động (đã sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua;

Hội đồng Quản trị chúng tôi kính trình Đại hội chấp thuận :

1) **Cơ cấu nhân sự của Hội đồng Quản trị CTCP Cơ điện Thủ Đức trong nhiệm kỳ 2018-2023 là 05 (năm) thành viên (trong đó có 02 thành viên độc lập HĐQT);**
2) **Do cơ cấu nhân sự HĐQT hiện nay cần bổ sung 01 thành viên độc lập, để đảm bảo hoạt động quản trị của Công ty niêm yết; nên tại kỳ Đại hội cổ đông thường niên lần này. Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cơ cấu nhân sự HĐQT như đề nghị, đồng thời chấp thuận cho Công ty tiến hành thủ tục bầu cử bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT theo quy định.**

Trân trọng !

TP.HCM, ngày 10 tháng 5 năm 2019.

TM .HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC
CHỦ TỊCH

NGUYỄN MINH QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v : Biểu quyết thông qua các chỉ tiêu thực hiện trong kế hoach SXKD năn 2018 - chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 60/2005-QH11 - được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động (đã sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/6/2018.

Hội đồng Quản trị CTCP Cơ Điện Thủ Đức kính trình Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua nội dung các chỉ tiêu thực hiện công tác sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau:

1. **Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. Với các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện được:**

(TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THÔNG QUA)

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2018	Ghi chú
Vốn điều lệ	đồng	114.730.000.000	
Tổng doanh thu	đồng	294.701.642.354	*KH: 310 tỷ*
Nộp Ngân sách	đồng	30.619.697.193	*Theo quy định của NN*
Lao động bình quân	người	112	*KH: 140 người*
Thu nhập bình quân người/tháng	đồng	8.900.000	*KH: 8.500.000*
Lợi nhuận trước thuế	đồng	826.302.360	*KH: 1 tỷ*
Thuế TNDN	đồng	193.830.743	
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	đồng	632.471.617	
Trích lập các quỹ			
Quỹ đầu tư phát triển	đồng		*Không trích lập do năm 2018 Công ty đã thực hiện đầu tư thêm thiết bị sản xuất, từ nguồn vốn huy động được (giá trị đầu tư là 23 tỷ) trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn*

			điều lệ năm 2016 - từ 80,73 tỷ lên 114,73 tỷ.
Quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	126.494.000	*(Nghị quyết ĐHCĐTN 2018 thông qua KH phân bổ quỹ KT-PL là 320 triệu)*
Lợi nhuận chưa phân phối năm 2018 (1)	đồng	505.977.617	
Lợi nhuận chưa phân phối (các năm trước) (2)	đồng	2.224.782.191	
Cộng Lợi nhuận chưa phân phối: (1) + (2)	đồng	2.730.759.808	
Chia cổ tức	đồng	0	
Lợi nhuận để lại	đồng	2.730.759.808	
Tỷ lệ chi trả cổ tức (trên vốn điều lệ là 114.73 tỷ)	%	0%	

- **Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc về Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Với các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện như sau:**
- **(<u>TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THÔNG QUA</u>)**

CHỈ TIÊU	**Đơn vị tính**	**Kế hoạch thực hiện năm 2019**	**Ghi chú**
Vốn điều lệ	đồng	152.973.330.000	*Hoàn thành trong Quý III/2019*
Tổng doanh thu	đồng	400.000.000.000	
Nộp Ngân sách	đồng		*Theo quy định của NN*
Lao động	người	140	
Thu nhập bình quân người/tháng	đồng	9.000.000	*Trường hợp kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2019 đạt vượt kế hoạch thì Công ty có chế độ tăng tỷ lệ % tiền lương cho CBCNV (tăng cao hơn mức 9.000.000đ/ng/tháng) để động viên, kích thích tinh thần lao động sản xuất*
Lợi nhuận trước thuế	đồng	2.000.000.000	
Thuế TNDN (20%)	đồng	400.000.000	

Lợi nhuận sau thuế (LNST)	đồng	1.600.000.000	
Trích lập các quỹ			
Quỹ đầu tư phát triển	đồng		*Năm 2019 Công ty phát hành CP tăng vốn điều lệ từ 114,73 tỷ lên 152,97 tỷ để huy động thêm vốn, đầu tư cho dây chuyền sản xuất, nên không thực hiện trích lập Quỹ ĐTPT*
Quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	320.000.000	
Lợi nhuận còn lại	đồng	1.280.000.000	
Chia cổ tức :	đồng	0	
Lợi nhuận để lại	đồng	1.280.000.000	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông .

TP.HCM, ngày 10 tháng 5 năm 2019.

TM .HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC
CHỦ TỊCH

NGUYỄN MINH QUANG

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

TỜ TRÌNH

(v/v : Tiền thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát, và tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc trong năm tài chính 2019)

***Kính gửi*:** ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014-QH13 - được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức;

Để đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc điều hành và giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức thù lao, tiền lương cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2019 như sau :

- Tiền lương Chủ Tịch Hội đồng Quản trị : **22.500.000 đồng/tháng;**
- Tiền lương của Tổng Giám Đốc Công Ty: **19.000.000 đồng/tháng;**
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) :
  3.000.000 đồng/người/tháng x 4 người
- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: **10.000.000 đồng/tháng**;
- Thù lao thành viên Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) :
  2.000.000đồng/người/tháng x 2 người

❖ **TỔNG CỘNG: 810.000.000đ (Tám trăm mười triệu đồng chẵn),** trong đó :

- Tiền thù lao (không bao gồm thuế TNCN) của các Thành viên Hội Đồng Quản trị-Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) trong năm 2019 là **: 192.000.000đ**
  (Một trăm chín mươi hai triệu đồng)
- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong năm 2019 là **: 270.000.000đ**
  (Hai trăm bảy mươi triệu đồng)
- Tiền lương của Tổng Giám Đốc Công ty trong năm 2019 là : **228.000.000đ**
  (Hai trăm hai mươi tám triệu đồng)
- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách trong năm 2019 là : **120.000.000đ** *(Một trăm hai mươi triệu đồng);*

➢ *Các khoản thu nhập của các Thành viên Hội đồng Quản tri, Ban kiểm soát, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc bao gồm: tiền thuế thu nhập cá nhân, tiền lương, thù lao nêu trên được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TP.HCM, ngày 10 tháng 05 năm 2019

TM .HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN MINH QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v : Ủy quyền cho HĐQT quyết định chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014-QH13 - được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động (đã sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua;
- Theo đề nghị của Ban kiểm soát Công ty CP Cơ điện Thủ Đức;

Hội đồng Quản trị Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức trình Đại hội đồng cổ đông danh sách 03 Công ty kiểm toán độc lập sẽ được xét chọn, để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty trong năm tài chính 2019 gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Đ/c: Tầng 12, Tháp Tây, Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

Đ/c: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Đ/c: 709 Tòa nhà Sunrise, D11 Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo Tài chính bán niên 2019 và cả năm 2019 của Công ty CP Cơ điện Thủ Đức theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

TP.HCM, ngày 10 tháng 5 năm 2019.

TM .HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC
CHỦ TỊCH

NGUYỄN MINH QUANG